

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 03/2021/DSST

Ngày: 25/3/2021.

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Trĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hằng.
2. Ông Nguyễn Đức Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 25/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2020/TLST-DS ngày 09/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 01/QĐXX-ST ngày 12/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Bích A, sinh năm 1973 (có mặt).

HKTT, trú tại: Số xxx, đường Q, thôn S, thị trấn K, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

2. Đồng bị đơn:

1.2 Ông Đàm Quang B, sinh năm 1971 (vắng mặt).

2.2 Bà Nguyễn Thị C sinh năm 1973 (vắng mặt).

HKTT, trú tại: Thôn T xã V huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3 Anh Nguyễn Duy D - sinh năm: 1988 (vắng mặt)

Trú tại: Số xxx, đường Q, thôn S, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2.3 Anh Đàm Quang E - sinh năm: 1994. (vắng mặt)

3.3 Chị Đàm Thị F - sinh năm: 1998 (vắng mặt)

Đều có HKTT, trú tại: Thôn T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/02/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Bích A trình bày:

Bà và vợ chồng bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1973 và ông Đàm Quang B, sinh năm 1971 hiện đều trú tại thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên không có quan hệ họ hàng mà chỉ là quan hệ quen biết ngoài xã hội. Bà và ông Nguyễn Duy L trước đây là vợ chồng, nhưng đến tháng 6/2005 hai ông bà đã làm thủ tục ly hôn.

Do cần vốn để kinh doanh, đã nhiều lần vợ chồng bà C, ông B vay của bà tiền, đến ngày 25/10/2017, hai bên chốt nợ, vợ chồng bà C còn nợ bà 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Khi chối nợ, các bên có thỏa thuận vay trong vòng 03 năm, lãi xuất thỏa thuận bằng miệng là 1,5%/tháng, mục đích vay để vợ chồng bà C kinh doanh, vay không thế chấp tài sản, đây là khoản tiền của bà không liên quan gì đến ông Nguyễn Duy L. Quá trình vay và trả nợ, vợ chồng bà C đã trả lãi cho bà đến hết tháng 01/2018, số lãi trả không đúng như thỏa thuận mà tháng nhiều tháng ít. Kể từ tháng 02/2018 đến nay vợ chồng bà C không trả đồng gốc và lãi nào, thậm trí khi bà yêu cầu trả vợ chồng bà C khất lần không trả mà còn năng mạ bà.

Ngoài việc vay nợ, ngày 25/10/2017 vợ chồng bà C còn làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất số 217, tờ bản đồ số 27, diện tích 47 m² tại thôn T, xã V, huyện K mang tên bà Nguyễn Thị C và ông Đàm Quang B cho bà, hai bên cũng đã lập hợp đồng chuyển nhượng với giá là 1.000.000.000 đồng, hợp đồng có tên ông L nhưng là

do bà C viết vào, còn ông L không có quyền lợi gì liên quan, hợp đồng chưa được chính quyền địa phương chứng thực, xác nhận nhưng vợ chồng bà C cùng các con đã ký xác nhận, nội dung trong hợp đồng có cam kết trong vòng 03 năm kể từ ngày chuyển nhượng, nếu vợ chồng bà C muốn mua lại thì bà phải có trách nhiệm chuyển nhượng lại cho vợ chồng bà C.

Nay bà khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu giải quyết buộc vợ chồng bà C phải trả bà 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) tiền gốc và toàn bộ lãi phát sinh như hai bên đã thỏa thuận từ tháng 02/2018 cho đến khi xét xử, nếu vợ chồng bà C không trả gốc, lãi như thỏa thuận còn phải tiếp tục trả lãi khoản tiền gốc còn lại theo thỏa thuận cho đến khi vợ chồng bà C trả hết gốc cho bà.

Đồng thời, nếu hết 03 năm, vợ chồng bà C không nhận chuyển nhượng lại thửa đất, vợ chồng bà C phải làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất cho bà như bà đã trình bày ở trên.

Lời khai ngày 12/01/2021, bà Lê Bích A vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu vợ chồng bà C phải trả chị 1.000.000.000 đồng tiền gốc, cùng lãi phát sinh kể từ tháng 02/2018 cho đến nay, với mức lãi xuất là 10%/năm, thời gian chỉ tính tròn tháng, những ngày lẻ không tính, số lãi phát sinh tính đến ngày xét xử là 1.283.333.333 đồng. Trường hợp vợ chồng bà C không trả, trả không đầy đủ, yêu cầu vợ chồng bà C còn phải tiếp tục trả lãi khoản gốc còn lại theo quy định của pháp luật cho đến khi vợ chồng bà C trả hết tiền gốc cho bà.

Đối với yêu cầu vợ chồng bà C hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng thửa đất số 217, tờ bản đồ số 27, diện tích 47 m² tại thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên, bà có nguyện vọng để hai bên tự hòa giải và không đề nghị Tòa án đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Quá trình tham gia tố tụng, đồng bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà là vợ ông Đàm Quang B, sinh năm 1971 hiện trú tại thôn T xã V huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên, còn đối với bà Lê Bích A không có quan hệ họ hàng mà chỉ là quan hệ quen biết ngoài xã hội.

Do cần vốn để kinh doanh nên bà có hỏi vay tiền bà A, sau khi hai bên thống nhất thỏa thuận, đã nhiều lần bà vay tiền của bà A, khoảng tháng 10/2017, hai bên có chốt số nợ, bà còn nợ bà A 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), hai bên không viết

giấy nhận nợ cụ thể mà được viết thành giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nội dung vợ chồng bà có một mảnh đất (thửa số 217, tờ bản đồ số 27) tại thôn T xã V huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên, do không có nhu cầu sử dụng nên vợ chồng bà có chuyển nhượng cho vợ chồng bà A, ông L với giá là 01 tỷ đồng, giao hẹn trong vòng 03 năm nếu gia đình bà mua lại mảnh đất đó thì bà A bán lại cho ông, bà với giá nêu trên. Thực tế đây chỉ là hợp đồng nhằm giàng buộc cho việc vay tiền, còn hai bên chỉ cho nhau vay mượn tiền vì vậy hàng tháng bà vẫn trả lãi cho bà A theo lãi suất là 2.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương ứng là 6%/tháng), thời gian đầu bà trả lãi đầy đủ nhưng do sau khó khăn, bà cũng chỉ trả bà A được một phần lãi (có tháng tổng lãi đã trả là 30.000.000 đồng, có tháng chỉ 15.000.000 đồng), bà cũng đã trả lãi cho bà A hết tháng 02 năm 2019, kể từ đó đến nay bà không trả được thêm tiền lãi cho bà A.

Bà được biết đây là khoản tiền riêng của bà A, nhưng sau này ông L có đến nhà bà nhận lãi.

Nay bà A khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà phải trả toàn bộ số nợ gốc là 01 tỷ đồng cùng lãi phát sinh, nếu không yêu cầu vợ chồng bà phải thực hiện theo nội dung hợp đồng chuyển nhượng đất các bên đã ký kết, bà có quan điểm: Bà thừa nhận còn nợ bà A 01 tỷ đồng (Một tỷ đồng) cùng lãi phát sinh kể từ tháng 3/2019 cho đến nay, nhưng do đang khó khăn nên bà xin được trả nợ dần cho bà A còn về việc yêu cầu bà thực hiện thỏa thuận chuyển nhượng đất, bà không nhất trí.

Bà khẳng định việc vay nợ chỉ liên quan đến bà và ông B, không liên quan đến các con của bà là anh E và chị F, ông B có biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án vay nợ giữa bà A với vợ chồng bà, Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập yêu cầu ông B phải đến Tòa án tham gia tố tụng, nhưng do công việc nên ông B không đến tham gia theo yêu cầu của Tòa án được, còn đối với việc anh E, chị F có ký vào giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng bà với bà A nhưng anh E, chị F không liên quan vì thửa đất là của vợ chồng bà. Bà cũng đã thông báo cho anh E, chị F về việc Tòa án triệu tập anh, chị đến làm việc nhưng anh E, chị F đi làm ăn xa và có quan điểm không liên quan nên anh E, chị F không đến Tòa án làm việc.

Trong quá trình giải quyết người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy D trình bày:

Anh là con ông Nguyễn Duy L (mất năm 2020) và bà Lê Bích A, sinh năm 1973, hiện đều trú tại thôn S thị trấn K huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên.

Anh khẳng định không liên quan, không yêu cầu quyền lợi gì trong vụ bà A kiện vợ chồng bà C, ông B đòi 01 tỷ đồng. Bố, mẹ anh đã làm thủ tục ly hôn từ năm 2005, quá trình chung sống cùng ông L, anh không bao giờ thấy bố anh nhắc đến khoản tiền này. Anh đề nghị và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết, bà Trần Thị Mẫn, ông Nguyễn Văn Minh, ông Nguyễn Duy Thành, ông Nguyễn Văn Thọ, bà Nguyễn Thị Hà, anh Nguyễn Duy D khẳng định không liên quan và không có quyền lợi gì và có đơn đề nghị xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Lê Bích A vẫn giữ nguyên đối với yêu cầu vợ chồng bà C, ông B phải trả bà 1.000.000.000 đồng, bà nhất trí quan điểm của bà C và yêu cầu vợ chồng bà C phải trả bà tiền lãi phát sinh từ tháng 3/2019 cho đến ngày xét xử, với mức lãi suất là 10%/năm, thời gian tính lãi chỉ tính tròn tháng, những ngày lẻ không tính. Về số lãi mà hai bên đã thanh toán cho nhau và về việc chuyển nhượng tài sản, bà không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, riêng ông Đàm Quang B, anh E, chị F vắng mặt, không chấp hành quy định của pháp luật.

2. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 144; Điều 147, khoản 2 điều 227; điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 274; khoản 2 điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự 2015, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX, xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Bích A.

+ Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị C và ông Đàm Quang B phải trả cho bà Lê Bích A 01 tỷ đồng tiền gốc cùng lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu chậm thanh toán trả các khoản tiền nợ trên thì bà C, ông B còn phải chịu lãi suất theo mức quy định tại khoản 2 điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

+ Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất các bên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Hoàn trả lại cho bà Lê Bích A số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị C và ông Đàm Quang B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thủ tục tố tụng: Ngày 10/02/2020, bà Lê Bích A có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị C và ông Đàm Quang B phải trả bà 01 tỷ đồng (Một tỷ đồng) cùng lãi phát sinh, các bên không viết giấy vay nợ, lãi suất thỏa thuận bằng miệng, thời hạn vay là 03 năm, mục đích vay để vợ chồng bà C kinh doanh, vay không thế chấp tài sản, đây là khoản vay có xác định kỳ hạn trả, trong thời hạn giải quyết nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa bà Lê Bích A với vợ chồng bà Nguyễn Thị C và ông Đàm Quang B. Bà Nguyễn Thị C và ông Đàm Quang B có hộ khẩu thường trú, trú tại thôn T xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, đồng bị đơn bà Nguyễn Thị C và ông Đàm Quang B vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, vì vậy, căn cứ khoản 2 điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] *Về nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện:*

[2.1] *Nội dung vụ án:* Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như sự thừa nhận của các bên đương sự, có đủ cơ sở khẳng định: Do quan hệ quen biết ngoài xã hội, bà C, ông B đã nhiều lần vay tiền của bà A, ngày 25/10/2017, hai bên chót nợ, vợ chồng bà Nguyễn Thị C và ông Đàm Quang B còn nợ bà A 01 tỷ đồng (Một tỷ đồng), hai bên không viết giấy vay tiền, mục đích vay là để vợ chồng bà C, ông B kinh doanh, theo thỏa thuận thời hạn vay là 03 năm, không thế chấp tài sản, lãi suất thỏa thuận bằng miệng, bà A cho rằng lãi suất là 1,5%/tháng, còn bà C cho rằng lãi suất là 2.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương ứng là 6%/tháng). Bà A khai đã nhận của bà C lãi đến hết tháng 02/2018, còn bà C cho rằng bà đã trả lãi cho bà A đến hết tháng 02/2019. Nhưng kể từ đó đến nay, mặc dù bà A nhiều lần yêu cầu trả nợ, do khó khăn vợ chồng bà C chưa trả được đồng gốc và lãi phát sinh nào.

[2.2] *Về yêu cầu khởi kiện đòi số nợ gốc:* Các bên thừa nhận có cho nhau vay mượn 01 tỷ đồng (Một tỷ đồng). Do các bên đương sự không thỏa thuận với nhau thời gian trả nợ cụ thể, yêu cầu của bà A không trái đạo đức và quy định của pháp luật nên cần căn cứ Điều 274; Điều 463; Điều 466; Điều 470 Bộ luật dân sự 2015, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, buộc bà C, ông B phải trả cho bà A số tiền gốc là 01 tỷ đồng (Một tỷ đồng).

[2.3] *Về yêu cầu tính lãi:*

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bên thống nhất với nhau về số nợ gốc đã cho nhau vay là 1.000.000.000 đồng, đồng thời, các bên đề nghị không xem xét phân lãi hai bên đã thanh toán cho nhau,

Các bên không thống nhất được với nhau về mức lãi suất và thời gian đã trả lãi, bà C xuất trình 02 bản sao bà cho rằng là giấy tờ trả lãi nhưng nội dung cũng không thể hiện mức lãi suất là bao nhiêu, số tiền lãi trả hàng tháng (có chữ ký của người nhận lãi) không theo lãi suất như bà C trình bày. Tại phiên tòa bà A chấp nhận theo quan điểm của bà C đã trả lãi cho bà hết tháng 2/2019 và những phần bà có ký nhận trả lãi, bà yêu cầu bà C phải tiếp tục trả lãi cho bà từ tháng 3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất là 10%/năm, thời gian tính lãi chỉ tính tròn tháng, những ngày lẻ không tính (từ tháng 03/2019 đến hết tháng 2/2021 là 24 tháng, bằng 02 năm). Yêu cầu trả lãi của bà A không trái đạo đức và quy định của pháp luật nên cần căn cứ

Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bà C, ông B phải trả cho bà A số lãi phát sinh là:

$1.000.000.000 \text{ đ} \times 10\%/năm \times 02 \text{ năm} = 200.000.000 \text{ đồng}$. (Hai trăm triệu đồng)

Từ những căn cứ nêu trên cần buộc bà C, ông B phải trả cho bà A tổng số tiền là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng), trong đó có 1.000.000.000 đồng tiền gốc và 200.000.000 đồng lãi phát sinh.

Đối với số lãi đã thanh toán cho nhau, các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án hợp lệ, nếu chậm thanh toán trả các khoản tiền nợ trên thì bà C, ông B còn phải chịu lãi suất theo mức quy định tại khoản 2 điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

[3] *Về việc hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất:*

Do nguyên đơn không yêu cầu và đồng bị đơn bà Nguyễn Thị C không có yêu cầu phản tố, ông Đàm Quang B, anh Đàm Quang E, chị Đàm Thị F vắng mặt chưa có quan điểm trình bày, căn cứ khoản 4 Điều 70; khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện nên cần được chấp nhận. Vì vậy, HĐXX quyết định không xem xét giải quyết trong vụ án này, khi nào một trong các bên có đơn yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết trong một vụ kiện dân sự khác.

[4] *Về án phí:* Căn cứ Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức nộp án phí, lệ phí Tòa án.

- Yêu cầu khởi kiện của bà Lê Bích A được chấp nhận nên hoàn trả lại cho bà A số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là: 21.000.000 (Hai mươi một triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0002393, ngày 09/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

- Buộc bà Nguyễn Thị C và ông Đàm Quang B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính theo giá ngạch tương ứng đối với phần giá trị tài sản tranh chấp là:

$36.000.000 \text{ đ} + 400.000.000 \text{ đ} \times 3\% = 48.000.000 \text{ đồng}$. (Bốn mươi tám triệu đồng)

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147, khoản 1 điều 227; khoản 1, 2 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 274; khoản 2 điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự 2015, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Bích A.

- Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị C và ông Đàm Quang B phải trả cho bà Lê Bích A tổng số tiền là 1.200.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*), trong đó có 1.000.000.000 đồng tiền gốc và 200.000.000 đồng tiền lãi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án hợp lệ, nếu chậm thanh toán trả các khoản tiền nợ trên thì bà C, ông B còn phải chịu lãi suất theo mức quy định tại khoản 2 điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

- Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên không đặt ra xem xét giải quyết, khi nào một trong các bên có đơn yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết trong một vụ kiện dân sự khác.

2. Về án phí:

- Hoàn trả lại cho bà Lê Bích A số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 21.000.000 đồng (*Hai mươi một triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002393, ngày 09/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

- Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị C và ông Đàm Quang B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 48.000.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THA Dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/3/2021). Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Duy Trĩnh